

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 222/2020/HS-ST
Ngày: 12- 8-2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

2. Bà Nguyễn Thị Loan

Nghề nghiệp: Nguyên giáo viên trường THCS Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 219/2020/TLST-HS, ngày 17 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 233/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Anh L, sinh ngày 30/12/2003 (Chưa thành niên).

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn L, sinh năm 1981 và bà Lê Thị H, sinh năm 1984; Chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Anh L: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1981 (Bố đẻ của bị cáo). Có mặt.

2. Vũ Văn S, sinh ngày 04/01/2004 (Chưa thành niên).

Nơi cư trú: Thôn Tân L, xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn Th (đã chết) và bà Doãn Thị H, sinh năm 1983; Chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Văn S: Bà Doãn Thị H (mẹ đẻ của bị cáo). Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Lương Thanh V - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- Bị hại: Ông Trương Hữu S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Chùa N, thôn T, xã Đ, thành phố H.

Có đơn xin xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1989

Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h 30 phút ngày 28/4/2020, Phạm Anh L đến rủ Vũ Văn S lên chùa N ở xã Đ, thành phố H để chơi. Khi đi lên bậc thang lên chùa, L nhìn thấy gần tượng phật có một cái hòm nhựa màu trong suốt không có nắp bên trong có tiền mệnh giá các loại. L đã lấy hết tiền trong thùng và đếm được 80.000đ. Cả hai đi tiếp qua phòng khách của nhà chùa thì phát hiện một chiếc điện thoại Iphone X màu đen của sư thầy Thích Nguyên T (tên thật là Trương Hữu S) đang để trên bàn để sạc pin. S nói với L vào lấy điện thoại còn S đứng ngoài trông. L quan sát xung quanh không có ai nên đã đi vào trong phòng rút dây sạc điện thoại ra, lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi cả hai bỏ về nhà.

Trên đường đi S tháo sim điện thoại đưa cho L ném xuống sông. Sau đó cả hai đem điện thoại đến bán cho anh Nguyễn Hữu S ở phố Đ, thị trấn R, huyện Đ với giá 2.500.000đ. Khi bán cho anh S, L nói dối là điện thoại nhặt được không biết mật khẩu. Số tiền này L và S chi tiêu cá nhân hết.

Khi phát hiện tài sản bị mất, thầy S xem camera của nhà chùa, phát hiện có đối tượng lấy trộm nên đã báo với cơ quan điều tra. Theo báo cáo của thầy S, chiếc điện thoại Iphone X bị mất có trị giá 35.000.000đ.

Ngày 30/4/2020, khi biết chiếc điện thoại là tang vật của vụ án, anh S đã tự giác giao nộp lại cho cơ quan điều tra.

Ngày 05/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Công an thành phố Thanh Hóa, định giá chiếc điện thoại có giá trị 21.000.000đ.

Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu, thầy S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì. Đối với số tiền 80.000đ, thầy S cũng không yêu cầu các đối tượng trả lại.

Đối với anh Nguyễn Hữu S là người đã mua chiếc điện thoại của L và S, khi mua anh S không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra đã nhắc nhở rút kinh nghiệm. Anh S yêu cầu L và S trả lại cho anh số tiền mua điện thoại 2.500.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo đã bồi thường số tiền 2.500.000 cho anh S, do đó anh S không có yêu cầu gì về phần bồi thường.

Tại cáo trạng số 209/CT-VKS, ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Phạm Anh L và Vũ Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Phạm Anh L và Vũ Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Anh mức án từ 12 tháng đến 15 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng và Vũ Văn S mức án từ 09 tháng đến 12 tháng nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo có ý kiến: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình chưa quan tâm, giáo dục nên các bị cáo đã nông nổi, nhất thời phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: Do bị cáo phạm tội khi chưa đủ tuổi thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận:

Khoảng 14h30 ngày 28/4/2020, tại chùa N, xã Đ, thành phố H. Vũ Văn S và Phạm Anh L đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút trộm cắp số tiền 80.000đ và 01 chiếc điện thoại Iphone X trị giá 21.000.000đ của thầy Thích Nguyên T (tức Trương Hữu S) để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham chơi, không chịu học tập, rèn luyện, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị

an, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo cũng như giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo là bột phát, không có sự phân công bàn bạc cụ thể nhưng bị cáo Linh là người khởi xướng và trực tiếp lấy tài sản nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Sâm.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả. Bị hại có đơn đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khi phạm tội các bị cáo là đối tượng chưa thành niên phạm tội nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, vì vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là đối tượng chưa thành niên phạm tội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ sức giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo là người chưa thành niên, chưa có việc làm và thu nhập nên không áp dụng hình phạt tiền.

[6] Về phần dân sự: Bị hại đã nhận đủ và không có thắc mắc, yêu cầu bồi thường. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quá trình điều tra, truy tố, anh S yêu cầu L và S trả lại cho anh số tiền mua điện thoại 2.500.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, gia đình các bị cáo đã bồi thường 2.500.000đ, anh S không có thắc mắc, yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 17, Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Anh Linh và Vũ Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Anh L 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Văn S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Anh L cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Văn S cho UBND xã Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Về phần dân sự: Công nhận đã giải quyết xong.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14.

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp, Người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại trụ sở chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THA TP H;
- Bị cáo; Người đại diện;
- Người bào chữa, Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh